TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 71 /2021/HNGĐ-ST Ngày:27 – 9 – 2021 V/v ly hôn giữa anh T và chị T1.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hùng.

Ông Nguyễn Văn Hà.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng, Thư ký tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*:** Ông Đặng Xuân Tự, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 về việc " ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 7, xã A, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị T1, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 7, xã A, huyện T, tỉnh Nam Định;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T1 kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND xã A, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 03/11/2010. Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do giữa anh và chị T1 bất đồng về quan điểm, tính cách không hòa hợp. Chị T1 không quan tâm đến gia đình, anh và chị T1 đã sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị xin được ly hôn chị T1.

Về con chung chưa thành niên: Anh và chị T1 có 02 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 29/7/2013, hiện nay đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Sau ly hôn, anh đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về T sản và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các T liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

+ Đề nghị xử ly hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị T1.

+ Đề nghị giao cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 29/7/2013, chị T1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa anh Nguyễn Đức T là nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Chị Bùi Thị T1 bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị T1.

[2]Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị T1 kết hôn, đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Nghĩa An, huyện T vào tháng 11/2010, là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh T và chị T1 chung sống không hòa hợp, chị T1 không quan tâm đến gia đình. Anh T và chị T1 đã sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay, điều đó thể hiện tình cảm giữa anh T và chị T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]Về con chung chưa thành niên: Anh T và chị T1 có 02 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 29/7/2013, chị T1 thường xuyên không có ở nhà, hiện tại anh T đang nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Nguyện vọng của các con chung đều muốn ở với anh T sau ly

hôn. Để đảm bảo quyền lợi và ích của các con chung nên chấp nhận yêu cầu của anh T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và chị T1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về T sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị T1.

2.Về con chung chưa thành niên: Anh Nguyễn Đức T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 29/7/2013. Chị Bùi Thị T1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Thế T. Anh Nguyễn Thế T không được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung của chị Bùi Thị T1.

3.Về án phí : Anh Nguyễn Thế T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số AA/2019/0000477 ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã A;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Thịnh